

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2025

V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Hơn**

2. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Hùng Mạnh** – Là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thị Ngọc Tuyên**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 413/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 644/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 532/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trần Thị Hồng P**, sinh năm: 1984 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

* Bị đơn: **Nguyễn Thành L**, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Trần Thị Hồng P** là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Hồng P** và anh **Nguyễn Thành L** tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã Đ, tỉnh Đồng Tháp). Quá trình chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung hiện tại anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2023 cho

đến nay. Trong khoảng thời gian sống không còn chung sống với nhau, anh chị không thể hàn gắn. Nhận thấy tình cảm giữa anh chị đã không còn, mâu thuẫn gia đình ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thành P1, sinh ngày 03 tháng 1 năm 2001 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2007, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và anh L cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh L đối với yêu cầu ly hôn của chị P.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến: - Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng P, cho chị Trần Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Thành L. Về con chung: các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng P yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1979, ngụ tại ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành L dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị P nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thành L.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng P và anh Nguyễn Thành L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và đăng ký kết hôn vào năm 2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị P, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung, hiện tại anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2023 cho đến nay; Nhận thấy tình cảm không còn chị P yêu cầu ly hôn với anh L. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho anh L biết yêu cầu ly hôn của chị P nhưng anh L vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không quan tâm đến kết quả giải quyết vụ án ly hôn của anh với chị P như thế nào. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P với anh L là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thành P1, sinh ngày 03 tháng 1 năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Thành D, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2007. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Chị Trần Thị Hồng P có yêu cầu ly hôn nên chị Trần Thị Hồng P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng P và anh Nguyễn Thành L được ly hôn.

2/ Về án phí: Chị Trần Thị Hồng P phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai thu số 0007205 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị Trần Thị Hồng P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thành L không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân, tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAT Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Đồng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Trinh

